

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2026

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP. ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Bà Lê Thị Phước Oanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Xuân Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 373/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 23/9/2004; Số căn cước công dân: 049304009345, cấp ngày 12/8/2021; Địa chỉ thường trú: 1 đường T, K, phường T, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ tạm trú: A đường T, tổ G phường L, TP Đà Nẵng; Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh ngày 15/4/1993; Số căn cước công dân: 048093006936, cấp ngày 20/8/2021; Địa chỉ cư trú: Tổ E, phường H, TP Đà Nẵng; Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2025, bản tự khai ngày 19/3/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Lê Văn N kết hôn với nhau vào ngày 14/10/2024 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đà

Năng (cũ), nay là phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2024 ngày 14/10/2024), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại: tổ E, phường H, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến tháng 6 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà P trình bày là do: Chồng bà ngoại tình; quan điểm sống vợ chồng không phù hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Hiện nay vợ chồng bà không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Lê Văn N nhưng ông N không hợp tác không hợp tác, không có văn bản phản hồi, không tham gia các phiên họp, phiên tòa nên Tòa án không nghi nhận được ý kiến của ông Lê Văn N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại các Điều từ Điều 239 đến Điều 243; Điều 247; Điều 249 đến Điều 252; Điều 258 và Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, kết quả xác minh tại địa phương, xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Minh P và ông Lê Văn N đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh P, xử cho bà được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” bị đơn là ông Lê Văn N có địa chỉ nơi cư trú tại: tổ E, phường H, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4-Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn N vắng mặt lần thứ 2. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn N.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Lê Văn N kết hôn với nhau vào ngày 14/10/2024 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng (cũ), nay là phường H, thành phố Đà Nẵng (*theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2024 ngày 14/10/2024*), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại: tổ E, phường H, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến tháng 6 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo bà Nguyễn Thị Minh P trình bày mâu thuẫn là do: Chồng bà có quan hệ ngoại tình; quan điểm sống vợ chồng không phù hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn N.

[5] Theo kết quả xác minh tại địa phương xác định vợ chồng ông N, bà P có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Hiện nay ông N đang sinh sống tại tổ E phường H, TP Đà Nẵng tại nhà mẹ ruột, bà P không còn chung sống với ông N tại địa phương.

[6] Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không hợp tác, không có văn bản trình bày ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên tòa hòa giải, không tham gia các phiên tòa. Điều này chứng tỏ vợ chồng bà P, ông N có mâu thuẫn, bản thân ông N không có thiện chí hòa giải để xây dựng hạnh phúc gia đình.

[7] Như vậy, Hội đồng xét xử thấy việc bà Nguyễn Thị Minh P trình bày vợ chồng bà có mâu thuẫn, hiện mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Bị đơn ông Lê Văn N không hợp tác, điều này thể hiện bản thân ông N không có thiện chí hòa giải, xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh P xử cho bà được ly hôn với ông Lê Văn N.

[8] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

[9] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[10] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh P đối với ông Lê Văn N về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Minh P được ly hôn với ông Lê Văn N.

2.2 Về con chung: Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh P xác định vợ chồng không tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006126 ngày 26/11/2025 của cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng (*đương sự nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Đà Nẵng*).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA - TANDTPĐN;
- VKSND khu vực 4-Đà Nẵng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4-Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Vân, TP Đà Nẵng;
- (GCNĐKH số 113/2024 ngày 14/10/2024
- đăng ký tại UBND phường Hòa Hiệp Nam cũ);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường